PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia).

CƠ QUAN DỰ TRỮ…….. **PHỤ LỤC SỐ 1**

KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NHẬP, XUẤT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA NĂM …..

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng, quy cách	Đơn vị tính	Mức dự trữ Chính phủ duyệt	Ước tồn kho đến 31/12 năm báo cáo		Nhập						Xuất						Tồn kho đến 31/12 năm kế hoạch	
				Số lượng	Thành tiền	Tổng số		Trong đó				Tổng số		Trong đó				Số lượng	Thành tiền
								Tăng		Luân phiên đổi hàng				Giảm, bán		Luân phiên đổi hàng			
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Cộng:																		

Ngày…. tháng…. năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 2

CƠ QUAN DỰ TRỮ……..

KẾ HOẠCH TĂNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA NĂM …..

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng, quy cách	Đơn vị tính	Thời gian sản xuất	Năm báo cáo				Năm kế hoạch		Ghi chú
				Kế hoạch được duyệt		Ước thực hiện		Số lượng	Dự toán	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cộng:									

Ngày…. tháng…. năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 3

CƠ QUAN DỰ TRỮ……..

KẾ HOẠCH GIẢM HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA NĂM …..

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng, quy cách	Đơn vị tính	Thời gian sản xuất	Thời gian nhập kho	Năm báo cáo				Năm kế hoạch		Ghi chú
					Kế hoạch được duyệt		Ước thực hiện		Số lượng	Thành tiền	
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng:										

Ghi chú:
- Thời gian sản xuất: ghi rõ tháng, năm sản xuất;
- Thời gian nhập kho: ghi rõ ngày, tháng, năm nhập kho.

Ngày…. tháng…. năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 4

CƠ QUAN DỰ TRỮ……..

KẾ HOẠCH LUÂN PHIÊN ĐỔI HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA NĂM …..

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên hàng, quy cách	Đơn vị tính	Thời gian sản xuất	Thời gian nhập kho	Năm báo cáo				Năm kế hoạch		Ghi chú
					Kế hoạch được duyệt		Ước thực hiện		Số lượng	Thành tiền	
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I/- Nhập:										
	Cộng:										
	II/- Xuất:										
	Cộng:										

Ngày…. tháng…. năm….
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Thời gian sản xuất (ghi rõ tháng, năm sản xuất đối với hàng nhập)
- Thời gian nhập kho (ghi rõ ngày, tháng, năm nhập kho đối với hàng xuất)

PHỤ LỤC SỐ 5

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng...năm.....

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHẬP, XUẤT, CỨU TRỢ, VIỆN TRỢ, BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Quý.....năm.....

(Báo cáo này là chứng từ để đơn vị dự trữ quốc gia rút dự toán và thanh, quyết toán với Kho bạc Nhà nước)

Số TT	Tên hàng dự trữ quốc gia	Đơn vị tính	Tổng chi phí được giao khoán					Đã chi thực tế					Tiết kiệm phí				
			Nhập	Xuất	Cứu trợ	Viện trợ	Bảo quản	Nhập	Xuất	Cứu trợ	Viện trợ	Bảo quản	Nhập	Xuất	Cứu trợ	Viện trợ	Bảo quản
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Đề nghị Kho bạc Nhà nước..... làm thủ tục cho đơn vị .....rút tiền tiết kiệm phí chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị số ..... mở tại .....

Số tiền: ..... (bằng chữ: .....)

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 6

ĐƠN VỊ BÁO CÁO……..

BÁO CÁO NHẬP, XUẤT, TỒN KHO HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Kỳ báo cáo (quý, năm)

Số TT	*Tên hàng, quy cách*	*Đơn vị tính*	*Tồn kho đầu năm*		*Nhập*				*Xuất*				*Tồn kho cuối kỳ*	
					Kỳ này		*Lũy kế*		*Kỳ này*		*Lũy kế*			
			Số lượng	*Thành tiền*	*Số lượng*	*Thành tiền*	*Số lượng*	*Thành tiền*	*Số lượng*	*Thành tiền*	*Số lượng*	*Thành tiền*	*Số lượng*	*Thành tiền*
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*

Ghi chú:
-Quý: chậm nhất là 20 ngày sau khi hết quý.
- Năm: chậm nhất là 25 ngày sau khi hết năm.

Ngày.... tháng....năm ....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 7

ĐƠN VỊ BÁO CÁO……..

BÁO CÁO CHI TIẾT NHẬP, XUẤT, TỒN KHO HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Kỳ báo cáo (quý, năm)

Số TT	Tên hàng, quy cách, địa điểm để hàng	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Đơn vị bảo quản	Tồn kho đầu năm (01/01/20...)	Nhập								Xuất								Tồn kho cuối kỳ (.../.../20..)
						Kỳ này				Lũy kế				Kỳ này				Lũy kế				
						Tổng số	Mua tăng	Đổi hàng	...	Tổng số	Mua tăng	Đổi hàng	...	Tổng số	Không thu tiền	Bán đổi hàng	...	Tổng số	Không thu tiền	Bán đổi hàng	...	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Ngày.... tháng.... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Nhập: Mua tăng, đổi hàng, điều chuyển, dôi thừa, khác.
2. Xuất: Không thu tiền, bán đổi hàng, luân phiên đổi hàng không bù giá, hao hụt, khác,
3. Thời gian nộp báo cáo

- Quý: chậm nhất là 20 ngày sau khi hết quý
- Năm: chậm nhất là 25 ngày sau khi hết năm.